TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A, TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Việt Hồng**
2. Bà **Đoàn Thị Huệ**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Chị Trần Tuyết K, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Anh Huỳnh Thanh G, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Chị K có mặt; Anh G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Tuyết K trình bày:***

Do mai mối và có tìm hiểu vào năm 2010 chị và anh G tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A. Trong quá trình chung sống chị và anh G không hòa hợp nhau về suy nghĩ về tính cách nên tình cảm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy chị cũng cố nhẫn nhịn để xây dựng hạnh phúc nhưng mâu thuẫn ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được. Chị và anh G ly thân khoảng 01 năm nay (từ tháng 4 năm 2021 âm lịch). Xét thấy tình cảm không còn hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 21/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/5/2013. Hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có.

* Bị đơn anh Huỳnh Thanh G không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Tuyết K, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị K: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh G: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Tuyết K được ly hôn với anh Huỳnh Thanh G. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 21/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/5/2013 cho chị Trần Tuyết K tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị K không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có, anh G không có ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh G là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh G trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Tuyết K và anh Thanh G là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24/2011 cấp ngày 14/03/2011. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên cơ sở quen biết, tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị Tuyết K nguyên nhân là trong quá trình chung sống giữa chị và anh G không hòa hợp nhau về suy nghĩ về tính cách nên tình cảm anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tuy chị cũng cố nhẫn nhịn để xây dựng hạnh phúc nhưng mâu thuẫn ngày càng phát sinh nhiều thêm không tháo gỡ được. Chị và anh G đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị K nhận thấy tình cảm không còn hàn gắn được nữa nên chị quyết định khởi kiện ly hôn đối với anh Huỳnh Thanh G.

Anh G không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị K đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh G bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình là muốn duy trì quan hệ hôn nhân này. Như vậy, anh G mặc nhiên thừa nhận nguyên nhân chị K đưa ra là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị K và anh G là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị K và anh G có 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 21/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/5/2013, hiện do chị K nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị K và anh G ly thân đến nay do chị K nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Anh G không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Đồng thời, theo Đơn xin trình bày nguyện vọng của 02 con chung đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là Trần Tuyết K. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của 02 con chung,

Hội đồng xét xử xét cần giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục giao 02 con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 21/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/5/2013 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị K không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Tuyết K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Tuyết K được ly hôn với anh Huỳnh Thanh G.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung là là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 21/12/2011 và Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh ngày 07/5/2013 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Anh Huỳnh Thanh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Tuyết K không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Tuyết K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005125 ngày 19/11/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị K đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Trần Tuyết K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Huỳnh Thanh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công Ki theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU